TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyền;

2. Ông Nguyễn Chí Sang.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1993; cư trú tại: tổ A, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: anh Lê Hữu Q, sinh năm 1988; cư trú tại: thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lê Hữu Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2020, đến ngày 12-3-2021 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm giúp đỡ, không nói chuyện với nhau, nếu có nói chuyện cũng gây gổ cãi vả, cuộc sống vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc. Từ tháng 7-2023 anh Q đã về quê tại tỉnh Hà Tĩnh sống ly thân với chị cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 22-8-2021, trước đây cháu B sống với vợ chồng chị đến tháng 7-2023 anh Q đưa cháu B về quê ở tỉnh Hà Tĩnh sống chung với anh Q. Do chị đi làm xa nhà, không có điều kiện chăm sóc cháu B nên chị giao cháu B cho anh Q nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 8 năm 2023, bị đơn anh Lê Hữu Q trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Dương c sống với nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thất nghiệp, khó khăn về kinh tế nên thường xuyên gây gổ cãi vả với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 7-2023 anh đã về quê tại tỉnh Hà Tĩnh sống ly thân với chị D. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị D có 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 22-8-2021, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thùy D và anh Lê Hữu Q có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thùy D đối với anh Lê Hữu Q. Chị D được ly hôn với anh Q.

+ Về nuôi con chung: giao cháu Lê Gia B, sinh ngày 22-8-2021 cho anh Lê Hữu Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị Nguyễn Thùy D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị D, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thùy D và anh Lê Hữu Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh Q.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: ngày 23-6-2023 chị D và anh Q tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn chị D - là Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thùy D và anh Lê Hữu Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 12-3-2023. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị D và anh Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng, chị D và anh Q có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên gây gổ cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Lời trình bày của chị D phù hợp với lời khai của anh Q. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị D. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Q.

[3.2] Về nuôi con chung: chị D và anh Q có 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 22-8-2021, hiện đang sống với anh Q. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu B, chị D đồng ý giao cháu B cho anh Q nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị D, anh Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[4] Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" của chị Nguyễn Thùy D đối với anh Lê Hữu Q.

Chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Lê Hữu Q.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 22-8-2021 cho anh Lê Hữu Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ghi nhận chị D và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004548 ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: chị D, anh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng Ktr-NV-THA,TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Hương Xuân, H. Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy CNKH số 09 ngày 12-3-2021);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy